


## Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

### PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

<b>Potassium hydroxide- KOH 48%</b>			
Số CAS: <b>1310-58-3</b> Số UN: <b>1813</b> Số đăng ký EC: Chưa có thông tin			
<b>I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>			
- Tên thường gọi của chất: Potassium hydroxide, Kali hydroxit		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại: Potassium hydroxide			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Mục đích sử dụng: Dùng cho nhiều ngành công nghiệp khác nhau.		<b>Tên nhà Phân phối:</b> <b>Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup</b>  <b>Địa chỉ liên hệ:</b> A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh <b>Điện thoại:</b> 0898.517.996	
<b>II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT</b>			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Potassium hydroxide	1310-58-3	KOH	48%

### III. NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

#### - Các yếu tố nhãn

*Hình đồ cảnh báo nguy cơ*



*Cảnh báo nguy hiểm*

**Tiếp xúc với mắt:** Gây tổn thương mắt

**Nuốt phải:** có hại.

**Tiếp xúc với da:** Gây bỏng da.

Có thể ăn mòn kim loại

### IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

#### - Tiếp xúc với mắt

Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút và gặp bác sĩ chuyên khoa.

#### - Tiếp xúc với da

Rửa bằng xà phòng và nước, thay bỏ quần áo nhiễm bẩn, gặp bác sĩ chuyên khoa nếu có những kích ứng. Quần áo nhiễm bẩn phải tẩy rửa trước khi sử dụng lại.

#### - Hít vào

Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi cấp cứu nếu vấn đề hô hấp không được cải thiện.

#### - Nuốt vào

Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nếu nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo, cô áo, thắt lưng, cà vạt...

#### - Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

## V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- **Đặc tính cháy của hóa chất:** không cháy.
- **Nhiệt độ tự bốc cháy:** không áp dụng.
- **Điểm bốc cháy:** không áp dụng.
- **Giới hạn có thể cháy:** không áp dụng.
- **Sản phẩm cháy:** không có giá trị
- **Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác:** không áp dụng.
- **Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác**
- **Tác động cơ học:** không có giá trị.
- **Tác động tĩnh:** không có giá trị.
- **Chỉ dẫn chữa cháy:** không áp dụng.

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- **Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ**  
Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo quy định của pháp luật.
- **Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn**  
Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và có thể cho đổ tràn tới hệ thống cống.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- **Sự đề phòng**  
Giữ bình hóa chất luôn khô, không được nuốt, không được hít bụi hóa chất. Không bao giờ cho nước vào sản phẩm này. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, trang bị mặt nạ hô hấp. Nếu cảm thấy không khỏe, cần gọi cấp cứu. Tránh các tác nhân oxy hóa, kim loại, các axit.
- **Tồn trữ**  
Giữ bình chứa đóng chặt. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng. Không lưu giữ hóa chất trên 25°C.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết**  
Có quạt thông gió, hút hơi để làm giảm bớt lượng nhiệt khi tiếp xúc với hoá chất
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
  - Bảo vệ mắt; Kính bảo hộ

- Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ
- Bảo vệ tay: Găng tay chống hoá chất
- Bảo vệ chân. ủng

**3. Giới hạn tiếp xúc: Không có giá trị**

**4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)**

### IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Dạng lỏng	Điểm sôi (°C) khoảng sôi: 1.327
Màu sắc: không màu	Điểm nóng chảy (°C): 360°C.
Mùi đặc trưng: Không mùi	Khả năng bắt cháy ( chất rắn khí); Không bắt lửa
Ngưỡng mùi: Không áp dụng	Giới hạn trên và dưới của cháy nổ: Không áp dụng
Tỉ trọng hơi tương đối: Không có thông tin	Nhiệt độ tự bốc cháy, tự phân hủy: Không có thông tin
Khối lượng phân tử: 138,21 g/mol.	Tỉ trọng bay hơi: không có giá trị.
Độ PH khoảng 14 ở 56g/l 20°C	Sự bay hơi: không có giá trị.
Ăn mòn: Có thể ăn mòn kim loại	Tính tan trong nước: 1,130g/mol 20°C

### X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- **Độ ổn định hóa học:** Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn ( nhiệt độ phòng).

- **Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm:**

**Rủi ro cháy nổ với:**

- Tetrahydrofuran, Peroxit, natri azit, benzoyl clorua, Canxi, ở dạng bột, cacbua, Clo, oxit halogen, hợp chất nitro hữu cơ, photpho, oxit phi kim, đi ôxit clorua, Flo, magie, Hợp chất nitroso, nitơ triclorea

**Phản ứng tỏa nhiệt với:**

Axetonitril, Acrolein, Andehyt, Cồn, axit axetic, Hydrocacbon chứa Halogen, hợp chất halogen-halogen, Peroxit, hydro sunfua, hydro peroxide, vinyl axetat, Các chất

khử, Axit, Axit clorit, Axit anhydrit, hợp chất peroxi, Metanol, Chloroform .

- **Những điều kiện gây không ổn định:** bụi, không khí ẩm, nước, vật liệu không tương thích.
- **Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với:** Nhôm , muối amoni, chì, đồng, thiếc, kẽm, anhydric, Oxit photpho.
- **Giải phóng:** Hydro

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- **Đường đi vào:** hô hấp, tiêu hóa, tiếp xúc với mắt.
- **Độc tính lên động vật:** độc cấp tính qua đường miệng LD50: 333 mg/kg (chuột).
- **Ảnh hưởng độc tính lên con người:** Nếu ăn phải có sẽ gây bỏng nặng miệng và cổ họng. Cũng có nguy cơ thủng thực quản và dạ dày.
- **Ảnh hưởng độc tính lên con người:** Nếu hít phải bỏng màng nhầy, ho , khó thở,.
- **Lưu ý ảnh hưởng mãn tính khác lên con người:** không có giá trị.
- **Lưu ý ảnh hưởng độc tính khác lên con người**

### **Độc cấp tính**

Da: nguyên nhân gây kích ứng da nghiêm trọng.

Mắt: gây kích ứng mắt nghiêm trọng, có thể gây tổn thương giác mạc, có thể gây bỏng và mất thị lực.

## XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### 1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Potassium hydroxide	LC50 <i>Gambusia affinis</i> (Cá muối): 80 mg/l; 96 h		Chưa có thông tin
Thành phần 2 (nếu có)			

### 2. Tác động trong môi trường

- **Độc tính sinh thái:** không có giá trị.
- **BOD5 và COD:** không có giá trị.
- **Sản phẩm phân hủy sinh học:** những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không

độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.

**Độc tính sản phẩm phân hủy:** không có giá trị.

### XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.

- **Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại)**

**Thu gom và xử lý dạng rắn**

Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.

Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.

**Thu gom và xử lý dạng lỏng**

Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.

Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp.

Dung dịch chứa axít, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước.

**Xử lý hóa chất dạng hơi:**

vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.

Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kị với nhau (tham khảo trong bản)



Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn.

Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó.

Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.

### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường hầm	Loại nhóm hàng nguy	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
--------------	-------	--------------------------	---------------------	-------------------	-----------------	-------------------

			hiểm			
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</li> <li>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/03/2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa</li> </ul>	1813	Potassium hydroxide	8	280 kg/phuy	 	không
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

#### XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- **Quy chuẩn áp dụng**

Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002.

Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.

- **Xếp loại khác**

**DSCL (EEC):** R22- độc hại khi nuốt phải. R37/38- kích ứng hệ hô hấp và da. R41- nguy cơ phá hủy mắt. S2- để xa tầm với trẻ em. S26- trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa ngay với nhiều nước và gọi sự trợ giúp từ y tế. S37/39- trang bị găng tay, trang phục bảo vệ mắt/mặt. S46- nếu nuốt phải, gọi sự trợ giúp từ y tế và cho xem lọ và nhãn hóa chất.

**HMIS (U.S.A.)**

Độc hại sức

khỏe: 2 Nguy

hiểm cháy: 0

Độ hoạt hóa:

1

Bảo vệ cá nhân: E

**National Fire Protection Association (U.S.A.):**

Sức khỏe: 2

Khả năng cháy: 0

Độ hoạt hóa: 0

Độc hại đặc biệt:

## XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

**Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023**

**Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:**

**Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

### Hướng dẫn bổ sung:

1. Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.
2. Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
3. Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”
4. Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”
5. Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương xứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định: ví dụ Thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư như theo OSHA,ACGIH...”
6. Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.
7. Cách ghi hàm lượng thành phần